

Bản án số: 34/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 23/6/2026

V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - LÀO CAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đức Quang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Sùng A Cở và ông Đỗ Hồng Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Cường - Kiểm sát viên

Ngày 23/6/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 17/2026/TLST- HNGĐ ngày 06/02/2026 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 15/5/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2026/QĐST-HNGĐ ngày 02/6/2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Tần Tả M, sinh năm 2001

Nơi ĐKTT: Thôn D1, xã D, tỉnh Lào Cai.

Nơi ở hiện nay: Thôn S, xã M, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Vừ A S, sinh năm 1999

Địa chỉ: Thôn D1, xã D, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 27/01/2026, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Tần Tả M trình bày: Chị Tần Tả M và anh Vừ A S làm thủ tục đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 18/9/2023 tại Ủy Ban nhân dân xã D, huyện B, tỉnh Lào Cai nay là (Ủy ban nhân dân xã D, tỉnh Lào Cai) theo đúng quy định của pháp luật, trên cơ sở tự nguyện và được sự ủng hộ của hai bên gia đình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc chỉ được một thời gian ngắn, đến năm 2024 mâu thuẫn vợ chồng phát sinh. Nguyên nhân do chị M và anh S đều đi làm công ty mỗi người một nơi, vợ chồng xa cách, anh S có tình cảm với người phụ nữ khác, nên thờ ơ lạnh nhạt. không quan

tâm tới vợ con. Mặc dù chị M đã nhẫn nhịn, góp ý, khuyên giải, mong muốn vun đắp tình cảm vợ chồng, cùng nhau làm ăn, xây dựng kinh tế gia đình và chăm lo cho con cái, nhưng anh S không thay đổi mà ngày càng có thái độ thiếu tôn trọng chị, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, mệt mỏi, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không còn hạnh phúc. Đến đầu năm 2025, chị M về sinh sống cùng bố mẹ đẻ tại thôn Sáo Pờ Hồ, xã Mường Hum, tỉnh Lào Cai, từ đó cho đến nay, chị M và anh S sống ly thân nhau, không quan tâm gì đến nhau. Chị M nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị và anh S đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, chị đã khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lào Cai giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vừ A S theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị M và anh S có một con chung là cháu Vừ Duy K, sinh ngày 18/5/2020, cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Khi ly hôn chị M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vừ Duy K cho đến khi cháu K trưởng thành, chị M không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng.

Về tài sản và công nợ chung: Chị M và anh S không có tài sản và công nợ chung, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Vừ A S. Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng của Toà án cho anh Vừ A S theo đúng quy định của pháp luật, nhưng anh Vừ A S không có văn bản trả lời và cũng không đến Toà án tự khai, tham gia phiên tiếp cận công khai chứng cứ, chị M yêu cầu Toà án không tiến hành hoà giải. Nên Toà án đã đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh Vừ A S theo quy định của pháp luật.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt chị Tẩn Tả M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Lào Cai phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đều tuân theo trình tự pháp luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 57; Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên xử cho chị Tẩn Tả M được ly hôn anh Vừ A S.

Về con chung: Giao cháu Vừ Duy K, sinh ngày 18/5/2020 cho chị Tẩn Tả M trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Vừ A S không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Do chị Tần Tả M không đề nghị giải quyết, nên không đề cập giải quyết trong vụ án này.

Về án phí và quyền kháng cáo: Đề nghị tuyên miễn án phí về ly hôn cho chị Tần Tả M và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Chị Tần Tả M có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lào Cai giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” với anh Vừ A S, sinh năm 1999, có địa chỉ: Thôn D1, xã D, tỉnh Lào Cai. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Lào Cai. Nguyên đơn chị Tần Tả M có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Vừ A S đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Tần Tả M và anh Vừ A S là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Tần Tả M và anh Vừ A S tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 18/9/2023 tại UBND xã D, huyện B, tỉnh Lào Cai (nay là UBND xã D, tỉnh Lào Cai). Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh S là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Quá trình giải quyết vụ án, chị M cho rằng trong quá trình chung sống, giữa anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính cách trái ngược, vợ chồng thường xuyên tranh cãi. Anh S không yêu thương, quan tâm, tôn trọng chị, cuộc sống vợ chồng thờ ơ, lạnh nhạt, không còn tình cảm. Từ tháng 8 năm 2024 chị và anh S đã sống ly thân nhau, không ai quan tâm đến ai. Như vậy, có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa chị Tần Tả M và anh Vừ A S kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, trên thực tế hai người đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2024 đến nay không quan tâm đến nhau. Nên yêu cầu của chị Tần Tả M xin ly hôn anh Vừ A S là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, được chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị Tần Tả M và anh Vừ A S có một con chung là cháu Vừ Duy Khánh, sinh ngày 18/5/2020, cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Khi ly hôn chị M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vừ Duy K cho đến khi cháu K trưởng thành. Xét về điều kiện nuôi con, chị Tần Tả M có chỗ ở ổn định, hiện nay chị làm nghề trồng trọt tại địa phương, những ngày nông nhàn chị còn đi làm thuê, thu nhập bình quân từ 200.000 đồng đến 250.000 đồng/ngày, có đủ điều kiện để đảm bảo việc nuôi dưỡng con chung. Còn anh Vừ A S đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về nhà không đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Nên cần giao cháu Vừ Duy

Khánh cho chị Tần Tả M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Chị Tần Tả M không yêu cầu anh Vừ A S phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết;

[4]. Về tài sản và công nợ chung: Chị Tần Tả M xác nhận trong thời gian chung sống anh chị không có tài sản và công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Tần Tả M thuộc hộ nghèo theo Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo số 322/GXN-HN.HCN ngày 10/01/2026 của Ủy ban nhân dân xã D, tỉnh Lào Cai và có đơn đề nghị xin miễn nộp án phí. Căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử xét thấy chị Tần Tả M thuộc trường hợp được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm. Nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 271; 273; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự theo Luật số 99/2025/QH15 ngày 26/8/2025 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Tần Tả M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Tần Tả M được ly hôn anh Vừ A S. Quan hệ hôn nhân giữa chị Tần Tả M và anh Vừ A S chấm dứt kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Vừ Duy K, sinh ngày 18/5/2020 cho chị Tần Tả M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Vừ A S không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh Vừ A S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3/ Về án phí: Chị Tần Tả M được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh LC;
- VKSND khu vực 7 - LC (02);
- UBND xã D;
- Đương sự (2);
- Phòng THA DS khu vực 7;
- Lưu HS, TA, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Ngô Đức Quang